

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV21B1** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH05050** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Côn trùng nông nghiệp**
Số tín chỉ: **5**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTBV0128	Trần Ngọc Tường Duy	02/01/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
2	21BTBV0129	Phạm Hoài Đức	20/05/2001			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
3	21BTBV0130	Nguyễn Phát Học	25/07/2006			9	8	7	10			6.0		7.0
4	21BTBV0131	Nguyễn Thị Kim Huệ	02/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
5	21BTBV0132	Trịnh Quốc Hùng	29/08/2006			9	10	10	8			9.5		9.4
6	21BTBV0133	Nguyễn Chấn Hưng	16/07/2006			8	9	7	10			9.0		8.8
7	21BTBV0134	Võ Hoàng Huy	12/11/1999			10	9	10	10			10.0		9.9
8	21BTBV0135	Lương Nhĩ Khang	16/07/2006			8	9	8	8			7.0		7.5
9	21BTBV0136	Huỳnh Thị Diễm My	31/10/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
10	21BTBV0137	Nguyễn Thị Thảo Ngân	22/03/2002			9	8	8	7			10.0		9.1
11	21BTBV0138	Phạm Thành Ngoan	10/09/2003			9	9	8	8			8.5		8.4
12	21BTBV0139	Lê Thị Mỹ Nguyên	15/01/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
13	21BTBV0140	Huỳnh Tốt Nhiều	30/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
14	21BTBV0141	Đặng Văn Quang	21/11/2006			10	8	9	10			7.0		7.9
15	21BTBV0142	Trần Gia Thắng	22/12/2006			8	8	10	9			7.5		8.1
16	21BTBV0144	Nguyễn Thanh Trọng	22/05/1995			8	9	9	9			7.5		8.0
17	21BTBV0145	Trần Minh Trọng	18/05/2004			9	8	9	9			7.5		8.0
18	21BTBV0146	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	11/06/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
19	21BTBV0147	Huỳnh Đông Vĩ	28/02/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
20	21BTBV0148	Hồ Thị Như Ý	05/01/2006			0	0	0	0			0.0	0.0	0.0
21	21BTBV0333	Đoàn Thanh Phúc	10/10/2005			9	8	10	7			5.5		6.7
22	21BTBV0586	Chau Sóc Cui	10/04/2003			9	9	10	7			7.5		8.0

Châu Đốc, ngày 25 tháng 7 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Cao Thị Thùy Trang